

Bản án số: 105/2024/HSST
Ngày 23 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chăm Xuân Thuỷ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn, ông Phạm Minh Hiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2024/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn H, sinh ngày 05/01/1999 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Mo, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C, con bà Lò Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn T1, sinh ngày 29/11/1995 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T2, con bà Cà Thị K; bị cáo có vợ là Lò Thị C1, bị cáo có 02 con (*con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022*); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Vì Văn H1, sinh ngày 09/9/1994 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Mo, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn T3, con bà Lò Thị H2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông: Lò Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản M, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La - Có mặt.

+ Bà: Lò Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản M, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La - Có mặt.

+ Ông: Lò Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 21/8/2023, Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu C3, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh S phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại bản Tân Lập, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La tiến hành kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 26A-093.42 do Lò Văn H điều khiển, phát hiện trên xe có Yu Cheng sinh năm: 1986, trú tại: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc và Zhang Chang Z, sinh năm: 1992, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc đều mang Quốc tịch Trung Quốc, không có giấy tờ xuất nhập cảnh.

Ban đầu, Lò Văn H khai đã thực hiện hành vi đưa hai người nước ngoài (ngồi trên xe) nhập cảnh trái phép từ Lào vào Việt Nam, tham gia còn có Vì Văn H3 và Lò Văn T1.

Quá trình điều tra Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 khai nhận:

Khoảng tháng 4/2023, H quen biết một người phụ nữ quốc tịch Lào tên P (trong dịp đi chơi tết té nước bên tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào). Đến khoảng 9 giờ 00 phút ngày 21/8/2023, P gọi điện thoại cho H (qua ứng dụng Messenger facebook) đặt vấn đề thuê H đưa hai người từ khu vực đường biên giới xã C, huyện S, Sơn La đi Hà Nội với tiền công là 6.000.0000 đồng/người, đồng thời nói khoảng 12 giờ 00 phút sẽ có người đàn ông Lào tên T4 (người quen cũ của H) đưa đến. Sau khi trao đổi với P, H gọi điện thoại cho T4 (qua ứng dụng Messenger facebook) hỏi bao giờ đến, T4 nói đã đi được nửa đường. Sau đó, H gọi điện thoại cho Vì Văn H3 bảo H3 đi đón hộ H hai người trên đường biên, hứa trả công cho H3 1.000.000 đồng/người, khi nào người đến H sẽ gọi, đồng thời H bảo H3 rủ thêm Lò Văn T1, H3 nhất trí. H3 gọi điện thoại cho T1 bảo đi xem đường (xem có Công an, Biên phòng làm việc thì báo cho H3), T1 đồng ý. Đến khoảng hơn 12 giờ 00 phút, T4 gọi cho H thông báo đã gần đến điểm hẹn, H gọi điện thoại cho H3 đi đón và đưa người đến cổng điểm trường H5 (Trường tiểu học H5, thuộc bản C, xã C, huyện S). Sau đó, H3 điều khiển xe máy đi theo hướng khu vực đường tuần tra biên giới thuộc bản C, xã C. Trên đường đi, H3 gọi điện cho T1 đi lên đường Tuần tra biên giới xem đường và đón người cùng H3. Về phía H lái xe ô tô biển kiểm soát 26A - 093.42 đến khu vực cổng điểm trường Tiểu học Hồng Khương chờ.

H3 đi theo đường tuần tra biên giới đến khu vực giáp biên giới Việt Nam - Lào thì gặp hai người đàn ông khoác ba lô tối màu đứng ở đó (Một người mặc áo màu trắng, một người mặc áo tối màu, đeo kính). H3 hỏi là người Lào sang Việt phải không (bằng tiếng Thái) thì hai người này gật đầu (không nói gì). Lúc này Hà nghĩ họ là người Lào. H3 ra hiệu cho hai người lên xe rồi chở đi theo đường tuần tra biên giới xuống, đến bản C, xã C gặp T1 đang đợi. H3 ra hiệu cho người đàn ông đeo kính lên xe của T1. Sau đó, H3 chở người đàn ông mặc áo trắng đi theo đường

mường (thuộc bản Chiềng Khương) ra bản Pục, xã C rồi đi đến gần cổng điểm trường tiểu học H5 (thuộc bản Chiềng Khương), T1 chờ người đàn ông đeo kính theo sau. Khi đến điểm trường Tiểu học H5 gặp H đang đứng đợi. H3, T1 ra hiệu cho hai người đàn ông lên xe của H, còn H3 và T1 quay về nhà.

Sau khi hai người đàn ông Trung Quốc lên xe, H lái xe đi đến bản Bó, xã C, huyện S đợi đón Lò Văn T5 (bạn của H, H nhờ T5 đi cùng để lái xe giúp). Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, H nhận được điện thoại của một người đàn ông không quen biết hỏi đi đến đâu và bảo Hoàng mua đồ ăn cho hai người Trung Quốc, sẽ trả thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), H nhất trí. H dừng xe ở quán Đ1 ở bản K, xã C mua đồ ăn cho hai người đàn ông. Sau đó, H lái xe đi tiếp đến bản Bó, xã C đợi T. Trong quá trình chờ Thoát, H chuyển khoản cho H3 2.300.000 đồng. H3 hiểu đây là tiền công H3 và T1 tham gia đón người nước ngoài. H3 chuyển khoản cho T1 900.000 đồng. Sau đó, T5 gọi điện cho H nói bận không đi được, do vậy H lái xe chở hai người đàn ông đi về hướng thành phố S, khi đi đến khu vực bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La thì bị Tổ công tác kiểm tra, phát hiện như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKS-P1 ngày 07/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, đã truy tố đối với các bị cáo Lò Văn H, Vi Văn H3, Lò Văn T1 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lò Văn H, Vi Văn H3, Lò Văn T1: Nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã thể hiện tại cáo trạng.

- Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo như cáo trạng đã quy kết và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T1 từ 12 tháng tù đến 16 tháng, thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn H3 từ 12 tháng tù đến 16 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Lò Văn C, bà Lò Thị T, Lò Văn T2): Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình ông, bà chiếc xe ô tô và xe mô tô đã bị thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 21/8/2023, Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 đã có hành vi tổ chức cho Yu C2 và Zang Chang Z1 (quốc tịch Trung Quốc) nhập cảnh trái phép vào Việt Nam vì mục đích vụ lợi thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ: Biên bản sự việc kiểm tra và thu giữ vật chứng đối với các bị cáo; Biên bản bắt bị can để tạm giam; Biên bản kiểm tra và trích xuất nội dung tin nhắn trong điện thoại; Sao kê tài khoản cá nhân; lời khai của những người liên quan trong vụ án và phù hợp với lời khai của các đối tượng người Trung Quốc gồm: Yu Cheng, Zang C và phù hợp với biên bản nhận dạng, bản ảnh của các đối tượng người Trung Quốc đã nhận dạng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 đã phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, sinh sống ở khu vực biên giới, nhận thức được các quy định của pháp luật liên quan đến trình tự, thủ tục xuất nhập cảnh khi qua biên giới. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức cho 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với mục đích hưởng lợi đã vi phạm khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý việc lưu trú tại Việt Nam, đã gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị, an toàn xã hội của đất nước, do đó cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để đảm bảo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có đồng phạm, Lò Văn H là người khởi xướng, trực tiếp giao dịch với người phụ nữ tên P và người đàn ông tên T4 để chờ người nhập cảnh trái phép và thỏa thuận tiền công; rủ rê, lôi kéo Vì Văn H3 và Lò Văn T1 cùng thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp đón Yu C2, Zang C tại Trường tiểu học H5 nên giữ vai trò chính trong vụ án. Vì Văn H3 và Lò Văn T1 là đồng phạm giữ vai trò giúp sức, trực tiếp chở Yu C2, Zang C từ biên giới Việt Nam - Lào đến Trường tiểu học H5 giao cho Lò Văn H nên giữ vai trò ngang nhau.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên có căn cứ xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn H tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra các đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51, bị cáo còn có bà nội là bà Lò Thị P1 là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, ông nội là Lò Văn S được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Ba. Bị cáo Lò Văn T1 có ông nội là ông Lò Văn M được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Vì Văn H3 có bà là Lò Thị Đ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, ông Lò Văn P2 được nhà nước tặng thưởng Huân chương hạng Nhì là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng không có điều kiện để thi hành, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với các đối tượng có liên quan:

Đối với người phụ nữ tên P trú tại huyện M, tỉnh Hòa Phấn, Lào và người đàn ông Lào tên T4, Lò Văn H khai nhận là người đưa Yu C2, Zhang Chang Z từ Lào sang Việt Nam thuê H chở về Hà Nội. Quá trình điều tra H khai nhận không biết họ, tên đầy đủ của P và T4. Chỉ biết Phiêu nhà ở khu vực sân bóng huyện M, tỉnh Hòa Phấn, Lào. Cơ quan An ninh điều tra đã có Công văn số 861/ANĐT ngày 18/12/2023 gửi Công an tỉnh H, Lào phối hợp điều tra, khi có căn cứ xử lý theo quy định.

Đối với Yu C2 sinh năm: 1986 Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc và Zhang Chang Z sinh năm: 1992 Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc khai nhận khoảng giữa tháng 8/2023 để tìm kiếm việc làm đã được những người không biết họ tên, địa chỉ đưa nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc sang Việt Nam và sang Lào. Ngày 31/8/2023 Công an tỉnh S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định trục xuất khỏi Việt Nam.

Đối với Lò Văn T5 trú tại bản Bó, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La (bạn của H). H nhờ T5 đi lái xe hộ, quá trình điều tra xác định T5 không liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra, Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 còn khai nhận trước đó một số lần tham gia đưa đón người nước ngoài, cụ thể: Vào cuối tháng 7/2023 chở người Lào từ thành phố S đến gần cổng trường tiểu học H5, bản C, huyện S và nhận tiền công là 12.000.000 đồng. Lần thứ 2 vào khoảng tháng 8/2023 chở người Lào từ cuối bản Pục, xã C, huyện S đến đường T biên giới Việt Nam - Lào thuộc địa phận

bản Chiềng Khương, xã C, huyện S và nhận tiền công là 30.000.000 đồng; H trả tiền công cho Vì Văn H3 2.200.000 đồng. Tuy nhiên, kết quả xác minh không xác định được thông tin của những người nước ngoài này, do vậy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lò Văn H ở 02 lần này.

[7] Về xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản:

- Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc đều mang tên Lò Văn H; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xét là tài sản hợp pháp của bị cáo Lò Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, 01 xe Honda Wave kèm theo 03 chìa khoá, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lò Văn H, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô mang tên Bùi Thị L, thu giữ của bị cáo Lò Văn H. Trước phiên toà sơ thẩm, Toà án nhân dân tỉnh nhận được 01 bản cam kết của bà Lò Thị H4 (*chị gái của bị cáo H*), 01 biên lai thu tiền bản đồ của người nộp tiền là ông Lò Văn C số tiền 5.000.000 đồng, 02 chứng từ giao dịch chuyển tiền mua xe ô tô qua ngân hàng A tổng số tiền 500.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, bà Lò Thị H4 khai nhận, bà cùng ông Lò Văn C xuống Hà Nội để cùng mua xe ô tô, tuy nhiên lúc mua xe không đủ tiền nên ông Lò Văn C đã gọi về cho bà Lò Thị T chuyển tiền qua cho số tài khoản của chị 02 lần (*01 lần 200.000.000 đồng, 01 lần 300.000.000 đồng*), số tiền mua xe trên là tiền bố mẹ đưa cho chị nhờ chuyển giúp. Xét thấy, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, 01 xe Honda Wave là tài sản hợp pháp của ông Lò Văn C và bà Lò Thị T, ông bà xác định số tiền mua xe đang còn nợ ngân hàng và em trai số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Lò Văn H không có đóng góp gì vào việc mua xe; việc bị cáo sử dụng các phương tiện trên để thực hiện hành vi phạm tội ông C, và T không biết do đó cần trả lại cho ông Lò Văn C và bà Lò Thị T.

- Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Winnerx kèm theo 01 chìa khoá xe máy, 01 giấy chứng nhận xe máy mang tên Lò Văn P3 (cấp cho xe biển kiểm soát 26B2-567.02) thu giữ của Lò Văn T1 xét là tài sản hợp pháp và duy nhất của ông Lò Văn T2 (bố của bị cáo Lò Văn T1). Bị cáo sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội ông T2 không biết nên cần trả lại cho ông Lò Văn T2.

- Đối với 01 điện thoại Iphone thu giữ của bị cáo Lò Văn H, 01 chiếc điện thoại OPPO thu giữ của Lò Văn T1, 01 chiếc điện thoại VIVO thu giữ của Vì Văn H3 xét là tài sản của các bị cáo, các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Ngày 10/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S ra lệnh phong tỏa tài khoản số 89/LPT-ANĐT ngày 10/10/2023 đối với tài khoản ngân hàng H6 mang tên Lò Văn H, kết quả điều tra xác minh số dư trong tài khoản tính đến ngày 10/10/2023 còn 35.417.523 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là tiền của bị cáo lao động, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Lò Văn H 13 (mười ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Vì Văn H3 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Vì Văn H3 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T1 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2023.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 14 Pro, vỏ màu tím; số Imel: 357170543216964, Số I: 357170543285563, lắp kèm sim số 0868.925.955 (thu giữ của Lò Văn H) được niêm phong trong một phong bì còn nguyên niêm phong.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu đen, kèm 01 sim điện thoại, qua sử dụng (thu giữ của Lò Văn T1) được niêm phong trong một phong bì còn nguyên niêm phong.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, vỏ màu tím than, lắp kèm 01 sim điện thoại, qua sử dụng (thu giữ của Vì Văn H3), nhãn hiệu được niêm phong trong một phong bì còn nguyên niêm phong.

4.2. Trả lại cho ông Lò Văn T2

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: WINNERX, màu sơn: B - Đỏ, biển kiểm soát 26B2-567.02, số máy: KC34E1132041, số khung: 3719LY801757, xe đã qua sử dụng, cũ kèm 01 chìa khoá xe. Xe được niêm phong bằng các giấy niêm phong số 097196, 097197 do Công an tỉnh S phát hành tại vị trí cấm chìa khoá xe và vị trí mở cốp xe.

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 083452 do Phòng C4 Công an tỉnh S cấp ngày 01/09/2020 mang tên Lò Văn P3 (cấp cho xe mô tô mang biển kiểm soát 26B2-567.02).

4.3. Trả lại cho ông Lò Văn C, bà Lò Thị T

- 01 (Một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest màu ghi vàng, loại con 07 chỗ, biển kiểm soát: 26A-093.42, số máy: WLAT1344813, số khung:

UHMMCYR19291, qua sử dụng kèm 02 chiếc chìa khóa xe của xe ô tô. Xe được niêm phong tại vị trí cánh cửa trước, cửa sau, nắp cốp và nắp ca pô, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia.

- 01 (Một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019732 do Phòng C4 Công an tỉnh S cấp ngày 29/10/2019 mang tên Lò Văn H (cấp cho xe ô tô biển kiểm soát 26A-093.42).

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE hai bánh, màu sơn xám - đen - bạc, biển kiểm soát: 26B1-912.55, số máy: 5212910, số khung: 212708, xe đã qua sử dụng, cũ kèm 01 chiếc chìa khóa xe và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 091308, mang tên Bùi Thị L. Xe được niêm phong bằng các giấy niêm phong số 097194, 097195 do Công an tỉnh S phát hành tại trí cắm chìa khóa xe và vị trí mở cốp xe, trên giấy niêm phong có chữ ký, họ tên của thành phần tham gia.

4.4. Trả lại cho bị cáo Lò Văn H:

- 01 căn cước công dân số 0140990051519 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/4/2021 mang tên Lò Văn H.

- (Một) giấy phép lái xe số 140178010211 do Sở Giao thông vận tải tỉnh S cấp ngày 27/11/2017 mang tên Lò Văn H.

- 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 4436428 (cấp cho xe ô tô biển kiểm soát 26A-093.42).

- 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: 0015251 mang tên Lò Văn H.

Hủy bỏ Lệnh Phong tỏa tài khoản số 89/LPT-ANĐT ngày 10/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, đối với số tài khoản 0868925955 mang tên Lò Văn H tại Ngân hàng TMCP Q. Trả lại toàn bộ số tiền còn lại tính đến thời điểm thi hành án dân sự trong tài khoản 0868925955 mang tên Lò Văn H cho bị cáo Lò Văn H.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/3/2024 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Lò Văn H, Vì Văn H3, Lò Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23 tháng 4 năm 2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng ANĐT - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- CQHSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Cầm Xuân Thủy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng ANĐT - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- CQHSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Xuân Thủy